

Bản án số: 28/2018/HS-ST  
Ngày: 16-3-2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai Hương

*Thẩm phán:* Bà Mai Thị Minh Hồng

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Thắng

Ông Trần Trọng Đại

Bà Trần Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:***

Ông Vũ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2017/TLST-HS ngày 01/12/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-HS ngày 02/3/2018, đối với các bị cáo:

**1. Chu Văn Q** - Sinh năm 1990;

Đăng ký HKTT: Xóm 4 - xã T - huyện T - tỉnh Nam Định

Chỗ ở: Hiện đang cải tạo tại trại giam Nam Hà - Bộ Công an.

Nghề nghiệp: Không Trình độ văn hóa: 09/12

Bố đẻ: Chu Văn Q, sinh năm 1957; Mẹ đẻ: Đỗ Thị H, sinh năm 1959.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: Bản án sơ thẩm số 70/HSST ngày 27/12/2011 Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định xử phạt Chu Văn Q 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 20 tháng 22 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: Bản án sơ thẩm số 20/2013/HSST ngày 26/9/2013 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt Chu Văn Q 13 năm tù về tội “Mua bán người” tổng hợp hình phạt với bản án số 70 ngày 27/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu

buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai bản án là 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/8/2012.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của bản án số 20/2013/HSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**2. Phạm Văn P** - Sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Xóm 13 - xã T - huyện T - tỉnh Nam Định

Nghề nghiệp: Không                      Trình độ văn hóa: 08/12

Bố đẻ: Phạm Văn T, sinh năm 1957; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1957.

Tiền án, Tiền sự: Không có.

Nhân thân:

- Bản án số 99/2012/HSST ngày 27/09/2012 Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy - tỉnh Nam Định xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số 24/2012/HSST ngày 27/11/2012 Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt với bản số 99 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 51 tháng tù giam.

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/8/2017.

**\*Người bào chữa cho các bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 BLTTHS 2015.**

+ Luật sư Nguyễn Thị T T – bào chữa cho bị cáo Chu Văn Q

+ Luật sư Khương Ngọc Q – bào chữa cho bị cáo Phạm Văn P

(Các Luật sư đều thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định)

**\*Người bị hại:**

1. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995

Trú tại: Đội 14, xã P, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Chị Trương Thị Mỹ Th, sinh ngày 10/02/1997

Trú tại: Xóm 13, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/3/1997

Trú tại: Đội 4, xã P, huyện H, tỉnh Nam Định.

4. Chị Nguyễn Thị D (tên gọi khác L), sinh ngày 21/7/1995

Trú tại: Thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

5. Chị Đặng Thị L1, sinh năm 1993

Trú tại: Xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

**\*Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995
3. Trần Văn Tr, sinh năm 1987
4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.
5. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1993

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng cuối năm 2011 thông qua Đỗ Văn S (sinh năm 1979, trú tại xóm 10 xã T - huyện T - tỉnh Nam Định) Chu Văn Q có quen và có số điện thoại của đối tượng tên là L2 và vợ tên là T (hiện không xác định được lai lịch và địa chỉ) đang ở thị xã Bằng Tường - Trung Quốc. L2 chủ động trao đổi với Q về việc tìm phụ nữ Việt Nam lừa đưa sang Trung Quốc bán cho vợ chồng L2 làm gái mại dâm, Q đồng ý. Khoảng tháng 3/2012, Q bàn bạc với Phạm Văn P tìm và lừa phụ nữ và trẻ em Việt Nam đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền ăn tiêu, P đồng ý. Trong năm 2012, Q và P đã nhiều lần đưa phụ nữ và trẻ em sang Trung Quốc để bán cho vợ chồng L2 - T để làm gái mại dâm.

Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Thông qua các mối quan hệ xã hội Chu Văn Q có quen biết với Phạm Thị H (sinh năm 1995, trú tại đội 14 - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định), Q có rủ và bàn bạc với Phạm Văn P lừa đưa H sang Trung Quốc để bán cho vợ chồng L2 - T. Vào một ngày trong tháng 5/2015 Q gọi điện rủ H đi chơi, H đồng ý, đến chiều tối cùng ngày Q và P đi hai xe máy đến xã Hải Phú đón H đi chơi. Sau khi đón được H, Q gọi điện thoại cho hai người bạn là Trần Văn Tr (sinh năm 1987, trú tại xóm 2B xã H - huyện H - tỉnh Nam Định) và Nguyễn Văn T (sinh năm 1991, trú tại xóm 2C - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định) rủ đi sử dụng ma túy đá. Sau đó P, Tr và H đi hai xe máy đến nhà nghỉ “Sao Mai” ở tổ dân phố số 3 - thị trấn Yên Định - huyện Hải Hậu thuê phòng nghỉ để sử dụng ma túy đá. Còn Q và T đến thị trấn Liễu Đề - huyện Nghĩa Hưng để mua ma túy đá. Trên đường đi từ thị trấn Liễu Đề về thị trấn Yên Định, Q và T có gặp Trương Thị Mỹ Th (sinh ngày 10/02/1997, có hộ khẩu thường trú tại phường T - thành phố H, hiện đang sinh sống cùng với mẹ đẻ tại xóm 13 - xã T - huyện T - tỉnh Nam Định) và hai nam thanh niên là bạn của Th bị ngã xe máy tại khu vực xóm 7 - xã Trực Thắng -

huyện Trục Ninh. Quá trình giúp đỡ đưa xe máy của Th vào quán sửa xe, qua nói chuyện Th giới thiệu với Q mình tên là H (không nói tên thật là Th) nhà ở xã T– huyện T, tiếp xúc thấy Th dễ làm quen, nên Q đã rủ Th và hai người bạn của Th về nhà nghỉ “Sao Mai” chơi, Th và hai người bạn đồng ý. Khi đến nhà nghỉ “Sao Mai”, hai người bạn Th thuê một phòng để nghỉ, Th thuê một phòng, Q ra hiệu thuốc mua băng gạc và thuốc kháng sinh cho Th để rửa vết thương ở chân. Đến khoảng 01 giờ sáng, Q xuống phòng rủ Th lên tầng 3 để sử dụng ma túy đá cùng với Q. Th có hỏi chơi đá như thế nào thì Q nói chơi bình thường, cứ chơi thì biết. Sau đó Q dẫn Th lên phòng để sử dụng ma túy đá cùng với P, Tr, T và H. Đến chiều ngày hôm sau, khi ngủ dậy thì T và Tr cùng hai người bạn của Th đã ra về từ lúc nào không biết, còn lại Q, P đã rủ H và Th đi Hà Nội chơi, H và Th đồng ý. Sau đó Q và P bắt xe taxi đưa H và Th ra cầu Lạc Quân đón xe đi lên bến xe Mỹ Đình, sau đó tiếp tục bắt taxi từ bến xe Mỹ Đình lên cửa khẩu Đồng Đăng - tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình đi Q và P đã gọi điện báo cho L2 biết là đang đưa người sang bán và hẹn đón ở bên Trung Quốc. Khi đi đến cửa khẩu Đồng Đăng - tỉnh Lạng Sơn thì Q, P đưa H và Th đi bộ qua đường tiểu ngạch sang Trung Quốc. Khi sang đến nơi được vợ chồng L2 - T đón đưa đi thuê nhà nghỉ để nghỉ qua đêm. Đến khoảng nửa đêm L2 gọi P dậy bảo đưa H cùng đi với vợ chồng L2 - T đi bán trước, còn để Th ở lại với Q. Đến khoảng chiều hôm sau P và L2 quay lại nhà nghỉ, L2 bảo Th đi cùng với một người phụ nữ tên là Q1, còn L2 đưa Q và P ra biên giới Việt - Trung. Q và P đi bộ về tỉnh Lạng Sơn. Khi về đến Lạng Sơn, Q gọi vào số máy mà L2 đã cho từ trước, một lúc sau có một người đàn ông ra đưa cho Q và P số tiền 56 triệu đồng là tiền bán H và Th. P cầm tiền và chia cho Q 23 triệu đồng, P giữ 33 triệu (vì toàn bộ số tiền chi phí đi lại, sử dụng ma túy, thuê nhà nghỉ đều do P bỏ tiền ra). H và Th đã bị vợ chồng L2 - T bán cho các chủ nhà nghỉ ở Trung Quốc và bị ép làm gái mại dâm.

Đến khoảng cuối năm 2013, Th trốn được về Việt Nam. Đến năm 2014, thì H trốn được về Việt Nam. Ngày 23/7/2017 và ngày 26/7/2017 Phạm Thị H và Trương Mỹ Th đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định trình báo tố giác hành vi bị Q và P lừa bán sang Trung Quốc.

Lần thứ hai: Thông qua mối quan hệ xã hội Chu Văn Q có quen biết Nguyễn Thị H (sinh ngày 10/3/1997, trú tại Đội 4 - xã H - huyện H - tỉnh Nam Định). Khoảng tháng 4/2012, Q bàn bạc với Phạm Văn P lừa đưa H sang Trung Quốc bán lấy tiền ăn tiêu. Một ngày trong tháng 4/2012 (không xác định được cụ thể ngày) Q gọi điện rủ H đi chơi, H đồng ý, đến buổi chiều tối P và Q đi xe máy

đến cổng trường cấp 3B Hải Hậu để đón H. Sau đó P và Q đưa H đến nhà nghỉ “Mạnh Cường 1” ở xóm 8 - xã Hải P - huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định thuê phòng nghỉ để sử dụng ma túy đá. Khi đến nhà nghỉ Q có gọi điện cho hai người bạn là Trần Văn Tr (sinh năm 1987, trú tại xóm 2B xã H - huyện H - tỉnh Nam Định) và Đỗ Văn H (sinh năm 1993, trú tại xóm 4 - xã T - huyện T - tỉnh Nam Định) đến nhà nghỉ để cùng sử dụng ma túy đá. Cả nhóm sử dụng ma túy đá đến sáng hôm sau thì Tr và H ra về. Còn P và Q rủ H đi chơi (mục đích lừa H đưa sang Trung Quốc để bán), H đồng ý. P, Q đón xe khách đưa H từ thị trấn Yên Định đến bến xe Mỹ Đình, sau đó thuê xe taxi đi đến cửa khẩu Đồng Đăng tỉnh Lạng Sơn. Quá trình đưa H đi Q đã thông báo cho L2 đưa người sang Trung Quốc để bán, hẹn L2 đón. Khi đi đến cửa khẩu Đồng Đăng thì P, Q đưa H đi bộ qua đường tiểu ngạch sang Trung Quốc và được vợ chồng L2 - T đón, sau đó đưa về Bằng Tường nghỉ qua đêm. Đến sáng Q nói với H ở đây chơi với chị T còn Q và P đi chơi tí rồi về, thực chất Q lừa H ở lại, còn Q và P được L2 đưa ra cửa khẩu về Việt Nam. Q và P đi bộ qua đường tiểu ngạch về đến Lạng Sơn gọi điện theo số điện thoại được L2 cho từ trước, có một người đàn ông ra đưa cho P và Q số tiền 28.000.000đ. Sau khi nhận tiền Q đưa điện thoại cho P nói chuyện với L2, L2 nói lại còn nợ lại 2.000.000đ, lần sau đưa người sang sẽ trả (tức là số tiền bán H được 30 triệu đồng, L2 nợ lại 02 triệu). Sau khi trừ tiền chi phí đi lại, ăn tiêu dọc đường P chia cho Q 11 triệu đồng, tiền chi phí dọc đường do P bỏ ra, do vậy P lấy 17 triệu đồng. H ở lại Trung Quốc đã bị vợ chồng L2 - T ép đi bán dâm, sau đó bị vợ chồng L2 - T bán lại cho các nhà hàng khác ở Trung Quốc để làm gái mại dâm.

Năm 2014, H trốn được về Việt Nam. Đến ngày 04/8/2017 Nguyễn Thị H đã đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định trình báo toàn bộ nội dung bị hai hai đối tượng P và Q lừa bán sang Trung Quốc như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, ngoài những lần cùng với Phạm Văn P lừa bán phụ nữ và trẻ em nêu trên, Cơ quan điều tra có đủ căn cứ xác định Chu Văn Q hai lần lừa đưa phụ nữ sang Trung Quốc bán cho L2 cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 9/2011, Chu Văn Q làm quen và có tình cảm yêu đương với Nguyễn Thị D (tên gọi khác L, sinh năm 21/7/1995, trú tại thôn B - xã M - huyện M - tỉnh Nam Định). Đến khoảng tháng 01/2012 Q đến khu trọ của D ở thành phố Nam Định chơi. Do có mục đích lừa D để đưa sang Trung Quốc bán cho vợ chồng L2 - T, nên Q rủ D đi lên nhà bác ở Lạng Sơn chơi, D đồng ý. Sau đó Q và D thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Linh Hoa trên đường 38B thành phố Nam Định để ngủ qua đêm, đến khoảng 09 giờ sáng ngày hôm sau, Q và D ra Cầu

Đá - thành phố Nam Định bắt xe lên bến xe Mỹ Đình, rồi tiếp tục bắt xe khách đi lên bến xe Tân Thanh - tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình đưa D đi thì Q đã điện cho L2 báo trước là đang đưa người sang bán và hẹn đón ở bên Trung Quốc. Khi lên đến bến xe Tân Thanh, Q bắt xe ôm cùng D đi đến khu vực chân đồi giáp biên giới Việt – Trung, sau đó Q dẫn D đi bộ theo đường tiểu ngạch sang Trung Quốc. Khi sang đến nơi thì vợ chồng L2 - T đón cả hai đưa về nhà. Đến tối ngày hôm sau, L2 bảo D đi cùng T đi lấy hàng trước, còn L2 và Q sẽ đi sau, thực chất T đưa D đi Quảng Châu - Trung Quốc bán lại cho một người phụ nữ tên là P để làm gái mại dâm, còn Q được L2 đưa ra khu vực biên giới để đi bộ về Việt Nam theo đường tiểu ngạch. Khi về đến Lạng Sơn, Q gọi điện theo số điện thoại mà L2 đã cho từ trước thì có một người đàn ông (không rõ tên tuổi địa chỉ) đến và đưa cho Q số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) thanh toán tiền mua D. D sau khi bị bán cho bà P đã bị ép làm gái mại dâm ở khu Bắc Phố - tỉnh Quảng Đông - Trung Quốc. Đến khoảng tháng 10/2015 thì trốn được về Việt Nam. Đến ngày 10/11/2017 Nguyễn Thị D đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định trình báo tố giác Q đã lừa bán sang Trung Quốc làm gái mại dâm.

Lần thứ hai: Chu Văn Q và Đặng Thị L1 (sinh năm 1993, trú tại xóm 1 - xã Hải L - huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định) là bạn bè chơi với nhau được khoảng 2-3 năm. Đến khoảng tháng 02/2012 (không xác định được ngày) với mục đích đưa L1 sang Trung Quốc bán, nên Q đã rủ L1 đi Lạng Sơn chơi, L1 đồng ý. Khoảng 05 giờ sáng Q bắt xe đưa L1 đi từ thị trấn Liễu Đề - huyện Nghĩa Hưng lên bến xe Mỹ Đình sau đó tiếp tục bắt xe khách đến khu vực cửa khẩu Tân Thanh - tỉnh Lạng Sơn. Trên đường đi Q đã gọi điện cho vợ chồng L2 - T là đang đưa người sang bán. Khi đi đến khu vực cửa khẩu Tân Thanh thì có một người đàn ông (không rõ tên tuổi địa chỉ) là người của L2 đón, dẫn Q và L1 đi đường bộ sang Trung Quốc. Khi sang đến Trung Quốc thì L2 đi ô tô cùng với hai người đàn ông đón Q và L1 đưa về Bằng Tường ăn uống, khi đang ăn thì có người phụ nữ tên là N (hiện chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ) và hai người đàn ông đến ăn cùng. Sau khi ăn uống xong L2 và hai người đàn ông lên xe ô tô đưa Q về biên giới Việt - Trung, Q đi bộ theo đường tiểu ngạch về đến Lạng Sơn gọi điện theo số điện thoại L2 cho trước thì có một người đàn ông là người của L2 đến đưa cho Q 30.000.000 đồng trả tiền mua L1. Còn L1 bị N và hai người đàn ông ép lên xe ô tô khóa cửa lại và chở đến khu Hai Khố - Lệ Châu - Trung Quốc bị ép làm gái mại dâm. Đầu năm 2014, L1 trốn về được Việt Nam. Đến

ngày 11/11/2017, Đặng Thị L1 đã đến cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định trình báo toàn bộ sự việc bị Q lừa bán sang Trung Quốc như đã nêu trên.

Tại cơ quan điều tra Chu Văn Q và Phạm Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngoài ra trong quá trình điều tra Chu Văn Q và Phạm Văn P còn khai nhận: Khoảng tháng 5/2012 P và Q xuống bãi biển Thịnh Long - huyện Hải Hậu có quen biết hai nhân viên tên là L3 sinh vào khoảng năm 2004 và D1 sinh vào khoảng năm 2003 làm ở nhà hàng Minh Quân thị trấn Thịnh Long - huyện Hải Hậu. Q, P bàn bạc với nhau lừa đưa L3 và D1 sang Trung Quốc bán, sau đó Q đã chủ động gọi điện rủ L3 đi chơi ma túy đá, L3 đồng ý. P, Q đã chở L3 về nhà nghỉ Sao Mai ở thị trấn Yên Định - huyện Hải Hậu chơi, Q lại tiếp tục gọi điện cho D1, lúc này D1 đang về quê và hẹn đón ở thị trấn Liễu Đề. Đến chiều tối cùng ngày Q, P đưa L3 sang thị trấn Liễu Đề để đón D1, rồi vào nhà nghỉ ở thị trấn Liễu Đề nghỉ. Đến sáng ngày hôm sau P, Q rủ L3 và D1 đi Hà Nội. L3, D1 đồng ý, Q, P bắt xe taxi đưa L3 và D1 lên thành phố Nam Định bắt xe lên bến xe Mỹ Đình, tiếp tục bắt taxi đi lên cửa khẩu Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn. Trên đường đi P, Q đã điện thoại cho vợ chồng L2 - T đang đưa người sang bán. Khi lên đến cửa khẩu thì P, Q dẫn L3 và D1 đi theo đường tiểu ngạch sang Trung Quốc, được vợ chồng L2 - T đón và đưa sâu vào Trung Quốc để nghỉ. Đến đêm thì L2 gọi điện cho Q, P dậy đưa ra biên giới Việt Trung để về Việt Nam, về đến tỉnh Lạng Sơn, Q gọi vào số máy L2 cho từ trước thì có người đàn ông đến và đưa cho Q và P số tiền 58 triệu đồng, cả hai chia nhau ăn tiêu hết. Đối với các bị hại trên hiện Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ, nhân thân của hai người phụ nữ có tên là L3 và D1 nêu trên. Do vậy Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định tách tài liệu tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Đỗ Văn S (sinh năm 1979, trú tại xóm 10 - xã T - huyện T - tỉnh Nam Định) là người đã giới thiệu cho Q quen biết với vợ chồng L2 - T, đồng thời cùng với Q trong thời gian từ khoảng tháng 12/2011 đến tháng 6/2012 đã thực hiện 04 vụ lừa 05 người phụ nữ Việt Nam đem sang Trung Quốc bán cho vợ chồng L2 - T. Hành vi này của S và Q đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đưa xét xử vào ngày 26/9/2013.

Đối với các đối tượng L2, T là người Việt Nam hiện đang sinh sống ở Trung Quốc, một số đối tượng người Việt Nam tại Trung Quốc và một số đối tượng ở tỉnh Lạng Sơn cùng có hành vi mua bán người và giúp sức cho việc mua

bán người. Hiện nay Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định chưa xác minh được tên tuổi, địa chỉ của vợ chồng L2, T và các đối tượng có liên quan. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Cáo trạng số 108/QĐ-KSĐT ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố Chu Văn Q, Phạm Văn P về tội “Mua bán người” và “Mua bán trẻ em”

- Đối với Chu Văn Q theo quy định tại điểm a, đ, g khoản 2 Điều 119 và điểm e, h khoản 2 Điều 120 BLHS 1999

- Đối với Phạm Văn P theo quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều 119 và điểm e, h khoản 2 Điều 120 BLHS 1999

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

\*Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản cáo trạng, và đều xác nhận đã bị VKSND tỉnh Nam Định truy tố về tội “Mua bán người” và “Mua bán trẻ em” là đúng tội, không oan.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét vị trí vai trò, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị xử phạt:

- Bị cáo Chu Văn Q từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Mua bán người” và từ 11 năm đến 12 năm về tội “Mua bán trẻ em”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là từ 18 năm đến 20 năm tù

Tổng hợp hình phạt với bản án số 20/2013/HSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 năm tù.

- Bị cáo Phạm Văn P từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Mua bán người” và từ 11 năm đến 12 năm về tội “Mua bán trẻ em”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là từ 16 năm đến 18 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo đã chiếm hưởng do hành vi phạm tội mà có.

\*Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Đề nghị nhất trí về tội danh và Điều luật mà VKSND tỉnh Nam Định đã truy tố đối với các bị cáo. Các Luật sư đều đề nghị HĐXX xem xét các bị cáo đã ăn năn hối cải thành



khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân để xem xét cho các bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; bằng lời khai của người bị hại; người làm chứng; bằng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra, thấy có đủ cơ sở kết luận:

Chu Văn Q có quen biết với vợ chồng L2 - T (hiện không xác định được lai lịch và địa chỉ) ở tại thị xã Bằng Tường - Trung Quốc. L2 đã trao đổi với Q về việc tìm phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc để bán cho vợ chồng L2 - T làm gái mại dâm, Q đồng ý. Sau đó Q đã bàn bạc với Phạm Văn P cùng tìm và lừa đưa phụ nữ, trẻ em Việt Nam sang Trung Quốc bán lấy tiền ăn tiêu, P đồng ý. Trong năm 2012, Q và P đã nhiều lần lừa đưa phụ nữ, trẻ em Việt Nam sang Trung Quốc bán cho vợ chồng L2- T để làm gái mại dâm. Cụ thể như sau:

Trong khoảng thời gian tháng 01/2012 và tháng 02/2012 Chu Văn Q đã lừa đưa Nguyễn Thị D (tên gọi khác là L, sinh năm 1995) và Đặng Thị L1 (sinh năm 1993) sang Trung Quốc bán cho vợ chồng đối tượng tên L2 - T làm gái mại dâm, để lấy 60 triệu đồng chi tiêu cá nhân.

Trong khoảng thời gian tháng 4/2012 và tháng 5/2012, Chu Văn Q và Phạm Văn P đã lừa đưa Nguyễn Thị H (sinh ngày 10/3/1997, thời điểm bị bán H mới được 15 tuổi 01 tháng tuổi), Phạm Thị H (sinh năm 1995), Trương Thị Mỹ Th (sinh ngày 10/02/1997, thời điểm bị bán Th mới được 15 tuổi 02 tháng tuổi) sang Trung Quốc bán cho vợ chồng đối tượng L2 - T làm gái mại dâm, để lấy tổng số tiền là 84 triệu đồng chia nhau chi tiêu cá nhân.

Như vậy, hành vi của Chu Văn Q lừa đưa chị Nguyễn Thị D, Đặng Thị L1 sang Trung Quốc bán làm gái mại dâm và hành vi của Chu Văn Q cùng Phạm Văn P lừa đưa chị Phạm Thị H sang Trung Quốc bán làm gái mại dâm, đều đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán người” với các tình tiết định khung “vì mục đích mại dâm”, “để đưa ra nước ngoài” theo quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều 119

BLHS 1999. Riêng bị cáo Chu Văn Q còn phải chịu thêm tình tiết định khung “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 119 BLHS 1999.

Hành vi của Chu Văn Q cùng Phạm Văn P lừa đưa các cháu Nguyễn Thị H (sinh ngày 10/3/1997, thời điểm bị bán H mới được 15 tuổi 01 tháng tuổi) và Trương Thị Mỹ Th (sinh ngày 10/02/1997, thời điểm bị bán Th mới được 15 tuổi 02 tháng tuổi) sang Trung Quốc bán làm gái mại dâm đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trẻ em” với các tình tiết định khung “đề đưa ra nước ngoài”, “đề sử dụng vào mục đích mại dâm” theo quy định tại điểm e, h khoản 2 Điều 120 BLHS 1999.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự, quyền tự do của người phụ nữ và trẻ em. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực hành vi, đều nhận thức và biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do tư lợi hám lời, mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, đã coi người phụ nữ, trẻ em là một loại hàng hoá để mua bán trái phép kiếm lợi nhuận.

Hiện nay tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em để đưa ra nước ngoài đang là vấn nạn mà Đảng và Nhà nước đang tìm mọi biện pháp ngăn chặn phòng ngừa, nhằm bảo vệ nhân quyền của của người phụ nữ và trẻ em. Hành vi của bị cáo đã làm mất trật tự trị an trong xã hội, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân.

Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục, phòng ngừa các hành vi phạm tội tương tự, đáp ứng công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm về buôn bán người mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

[3] Xếp vị trí vai trò các bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Chu Văn Q là người trực tiếp trao đổi với vợ chồng L2 - T (sống ở trung Quốc) thỏa thuận kế hoạch đưa người từ Việt Nam sang Trung Quốc bán, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, chiếm hưởng số tiền nhiều, giữ vai trò chính trong vụ án.

- Bị cáo Phạm Văn P giữ vai trò đồng phạm giúp sức.

Về tình tiết tăng nặng, nhân thân bị cáo Chu Văn Q đang có tiền án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

Bị cáo Chu Văn Q, Phạm Văn P đều đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên đều phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với tội “Mua bán người” và “Mua bán trẻ em”, thì khoản 2 Điều 119 và khoản 2 Điều 120 BLHS 1999 có khung hình phạt nặng hơn so với khoản 2 Điều 150 và khoản 2 Điều 151 BLHS 2015, căn cứ theo NQ41/QH và khoản 3 Điều 7 BLHS 2015, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo - khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ vận dụng tinh thần của khoản 2 Điều 150 và khoản 2 Điều 151 BLHS 2015 để xem xét hình phạt cho các bị cáo.

[4] Trên cơ sở xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, vị trí vai trò, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo; đối chiếu với các văn bản hướng dẫn thực thi Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy cần ấn định cho các bị cáo mức hình phạt trong khung đã truy tố và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian; Như vậy mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm về vấn nạn mua bán người mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

[5] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo Chu Văn Q, Phạm Văn P thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích vụ lợi, nên cần áp dụng phạt tiền bổ sung để tăng cường áp lực của việc ngăn chặn phòng ngừa, đẩy lùi tệ nạn mua bán người trong xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Số tiền các bị cáo Chu Văn Q, Phạm Văn P đã chiếm hưởng từ hành vi mua bán người và mua bán trẻ em, xác định là tiền do phạm tội mà có, cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Qua điều tra xác minh và tranh tụng tại phiên tòa, xác định số tiền các bị cáo đã chiếm hưởng là: Chu Văn Q 94 triệu đồng, Phạm Văn P 50 triệu đồng.

Đối với bị cáo Chu Văn Q tại bản án số 20/2013/HSST ngày 26/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã bị truy thu sung quỹ Nhà nước 64 triệu đồng của những lần phạm tội trong vụ án này, nên HĐXX sẽ khấu trừ đi và bị cáo Q chỉ còn bị truy thu 30 triệu đồng.

- Quá trình điều tra, những người bị hại Phạm Thị H, Trương Thị Mỹ Th, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Đặng Thị L1 đều có yêu cầu buộc các bị cáo phải

có trách nhiệm bồi thường khoản tiền bù đắp về tinh thần do danh dự nhân phẩm bị xâm hại. Căn cứ vào các quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại khoản tiền bù đắp về tinh thần do danh dự nhân phẩm bị xâm hại là 10 tháng lương tối thiểu/01 người bị hại - quy đổi tương đương 13.000.000 đồng. Trên cơ sở xem xét tính chất mức độ hành vi, vị trí vai trò, số tiền đã chiếm hưởng, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho những người bị hại chia phần như sau:

- Bồi thường cho người bị hại Phạm Thị H 13 triệu đồng, chia phần bị cáo Chu Văn Q 6.500.000 đồng, bị cáo Phạm Văn P 6.500.000 đồng.

- Bồi thường cho người bị hại Trương Thị Mỹ Th 13 triệu đồng, chia phần bị cáo Chu Văn Q 6.500.000 đồng, bị cáo Phạm Văn P 6.500.000 đồng.

- Bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị H 13 triệu đồng, chia phần bị cáo Chu Văn Q 6.500.000 đồng, bị cáo Phạm Văn P 6.500.000 đồng.

- Bị cáo Chu Văn Q phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị D 13 triệu đồng;

- Bị cáo Chu Văn Q phải bồi thường cho người bị hại Đặng Thị L1 13 triệu đồng.

Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Pháp lệnh về án phí lệ phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a, đ, g khoản 2 Điều 119; điểm e, h khoản 2 Điều 120; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; NQ 41/QH, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 150, khoản 2 Điều 151 BLHS 2015 (đối với bị cáo Chu Văn Q).

Căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 119; điểm e, h khoản 2 Điều 120; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; NQ 41/QH, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 150, khoản 2 Điều 151 BLHS 2015 (đối với bị cáo Phạm Văn P).

2. Tuyên bố các bị cáo Chu Văn Q, Phạm Văn P phạm tội “Mua bán người” và “Mua bán trẻ em”

#### **2.1. Xử phạt:**

- Bị cáo Chu Văn Q 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán người” và 13 (mười ba) năm tù về tội “Mua bán trẻ em”.

Căn cứ Điều 50 BLHS 1999, buộc bị cáo Chu Văn Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù.

Căn cứ Điều 51 BLHS 1999, tổng hợp hình phạt với bản án số 50/2013/HS-ST ngày 29/6/2013 của TAND tỉnh Nam Định đã xử phạt bị cáo Q 14 năm tù, buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2018 (được trừ đi thời gian bị cáo đã thi hành hình phạt tù trong bản án trước từ ngày 16/8/2012 đến ngày 16/3/2018)

- Bị cáo Phạm Văn P 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán người” và 12 (mười hai) năm tù về tội “Mua bán trẻ em”.

Căn cứ Điều 50 BLHS 1999, buộc bị cáo Phạm Văn P phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2017.

**2.2. Hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 119; khoản 3 Điều 120 BLHS 1999

Phạt tiền các bị cáo Chu Văn Q 10 triệu đồng, Phạm Văn P 10 triệu đồng, đều để sung quỹ Nhà nước.

**3. Về trách nhiệm dân sự:**Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS 1999; Điều 584, Điều 587, Điều 592 BLDS 2015.

+ Truy thu của bị cáo Chu Văn Q 30 (ba mươi) triệu đồng; Phạm Văn P 50 (năm mươi) triệu đồng, đều để sung quỹ Nhà nước.

+ Buộc các bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại như sau:

- Bồi thường cho người bị hại Phạm Thị H 13 triệu đồng, chia phần bị cáo Chu Văn Q 6.500.000 đồng, bị cáo Phạm Văn P 6.500.000 đồng.

- Bồi thường cho người bị hại Trương Thị Mỹ Th 13 triệu đồng, chia phần bị cáo Chu Văn Q 6.500.000 đồng, bị cáo Phạm Văn P 6.500.000 đồng.

- Bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị H 13 triệu đồng, chia phần bị cáo Chu Văn Q 6.500.000 đồng, bị cáo Phạm Văn P 6.500.000 đồng.

- Bị cáo Chu Văn Q phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị D 13 triệu đồng;

- Bị cáo Chu Văn Q phải bồi thường cho người bị hại Đặng Thị L1 13 triệu đồng.

Tổng số tiền bị cáo Chu Văn Q phải bồi thường cho những người bị hại là 45.500.000 (bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Tổng số tiền bị cáo Phạm Văn P phải bồi thường cho những người bị hại là 19.500.000 (mười chín triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được bồi thường có đơn yêu cầu, nếu người phải bồi thường không thi hành những khoản tiền này, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

#### **4. Án phí:**

- Án phí hình sự sơ thẩm: Chu Văn Q, Phạm Văn P, mỗi bị cáo đều phải nộp 200.000 đồng.

- Án phí dân sự: Bị cáo Chu Văn Q phải nộp 2.275.000 đồng; Bị cáo Phạm Văn P phải nộp 975.000 đồng.

Báo các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tối cao; CA - VKS tỉnh ND
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định
- Trại giam Đại An - Bị cáo
- Bị hại
- Lưu HS, tòa HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Vũ Thị Mai Hương**